TÒA ÁN NHÂN DÂN
A
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2025/DS-ST
Ngày 19 - 8 - 2025
"V/v T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN A, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp
Ông Đào Quốc Kiểng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân A, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân A, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 03 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thu T, sinh năm 1990 (có mặt).
Địa chỉ: Khóm 8, xã T, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm 4, xã U, tỉnh Cà Mau.
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Hồng N (vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm 4, xã U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Hồ Thu T trình bày:

Do quen biết với nhau nên vào ngày 06/10/2023, bà có cho ông Nguyễn Tuấn K mượn số tiền 115.000.000 đồng, thời hạn mượn 30 ngày sẽ hoàn trả, khi mượn tiền ông K có viết và ký tên tại biên nhận về số tiền mượn đưa cho cho bà giữ. Từ khi mượn đến nay ông K chưa trả cho bà số tiền mượn như thoả thuận, bà có đến gặp ông K nhiều lần để đòi số tiền mượn nhưng ông K chỉ hứa hẹn mà không trả nợ.

Nay bà yêu cầu ông K trả số tiền mượn như sau: Số tiền mượn gốc 115.000.000 đồng. Trả lãi tiền mượn chậm trả là 115.000.000 đồng x 0,83%/tháng (10%/năm) x 19 tháng (tính tròn từ ngày 06/11/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 19/6/2025) = 18.135.000 đồng. Tổng cộng tiền mượn gốc và lãi là 133.135.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Tuấn K và bà Trần Hồng N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông K và bà N.

[2] Về nội dung khởi kiện của bà Hồ Thu T đối với ông Nguyễn Tuấn K:

[2.1] Về giao dịch mượn tiền giữa hai bên: Bà T cho rằng vào ngày 06/10/2023, bà có cho bà K mượn 115.000.000 đồng, thời hạn mượn 30 ngày sẽ hoàn trả, từ khi mượn tiền đến nay ông K chưa trả số tiền mượn như thoả thuận, bà yêu cầu bà K trả số tiền mượn cho bà. Xét thấy, sự việc giao dịch mượn tiền giữa bà T và ông K với số tiền như bà T trình bày nói trên là thực tế có diễn ra, điều này phù hợp với nội dung biên nhận mượn tiền lập ngày 06/10/2023 do ông K viết và ký tên. Theo nội dung biên nhận nói trên thể hiện ông K có thiếu bà T số tiền 115.000.000 đồng, hẹn 30 ngày sau sẽ trả lại, cuối tháng trả 50.000.000 đồng, còn lại 65.000.000 đồng chia ra làm năm lần trả, nếu không trả đúng hẹn ông K tự nguyện gửi 3.000.000 đồng tiền cà phê. Trong quá trình giải quyết vụ án ông K cũng không có ý kiến gì đối với số tiền bà T khởi kiện. Từ những căn cứ trên, có cơ sở xác định ông K có mượn của bà T số tiền 115.000.000 đồng, kể từ khi mượn tiền đến nay ông K chưa trả cho bà T số tiền mượn như thỏa thuận nên bà T khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền mượn là có căn cứ chấp nhận, buộc ông K trả cho bà T số tiền mượn là 115.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất tiền mượn: Bà T cho ông K mượn 115.000.000 đồng, thời gian mượn 30 ngày, hai bên không có thoả thuận ông K phải trả lãi suất tiền mượn nên không tính lãi suất số tiền này trong thời mượn là phù hợp, khi hết thời gian mượn ông K không trả tiền mượn thì bà T có quyền yêu cầu ông K trả lãi suất chậm trả đối với số tiền mượn. Tại phiên toà, bà T yêu cầu ông K trả lãi chậm trả số tiền mượn (sau 30 ngày kể từ ngày mượn tiền) kể từ ngày 06/11/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 19/6/2025 tính tròn 19 tháng với mức lãi suất 10%/năm (bằng 0,83%/tháng) là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận. Cụ thể, số tiền lãi ông K phải trả cho bà T là 115.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 19 tháng = 18.135.000 đồng.

[2.3] Tổng cộng ông K trả cho bà T số tiền mượn cả gốc lãi là 133.135.000 đồng.

[3] Đối với bà N (vợ ông K) đã ly hôn với ông K vào ngày 04/8/2023 (theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 114/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2023 của Toà án nhân dân huyện U Minh). Số tiền ông K mượn của bà T phát sinh sau khi ông K và bà N đã ly hôn nên bà T không yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả nợ số tiền nói trên là phù hợp.

[4] Về án phí: Do khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông K phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả nợ với số tiền án phí 6.656.000 đồng. Bà T không phải chịu án phí, ngày 17/3/2025 bà T nộp tạm ứng án phí 3.686.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của bà Hồ Thu T đối với ông Nguyễn Tuấn K.

Buộc ông Nguyễn Tuấn K có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thu T số tiền mượn gốc lãi là 133.135.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, bà Hồ Thu T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Tuấn K chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự có giá ngạch ông Nguyễn Tuấn K phải nộp 6.656.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng). Bà Hồ Thu T không phải chịu án phí, ngày 17/3/2025 bà Hồ Thu T nộp tạm ứng án phí số tiền 3.686.000 đồng (Ba triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007014 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Hồ Thu T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Tuấn K và bà Trần Hồng N vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND A;
- CCTHADS A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TAND A.

Bùi Văn Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Việt